

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TƯ PHÁP

Số: 43^b/QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 20 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai NSNN Quý I năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý I năm 2021.

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai, đánh giá số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách đến quý I năm 2021 của Sở Tư Pháp (theo biểu số 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng nghiệp vụ và công chức, viên chức, hợp đồng lao động khối Sở Tư Pháp có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài Chính tỉnh
- Như điều 3
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



[Handwritten signature]

GIAM ĐỐC
PHẠM MINH THƯỜNG

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TƯ PHÁP

Số: 05/TB-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 20 tháng 04 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai NSNN Quý I năm 2021

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2021 và đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc nhà nước.

Sở Tư pháp thông báo công khai, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước quý I năm 2021.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trang Website và tại bảng thông tin của Sở đính kèm theo thông báo (Biểu số 03)

Thời gian công khai: Từ ngày ra thông báo.

Sở Tư Pháp thông báo để các đơn vị sự nghiệp, các phòng chuyên môn và cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan biết và xem nội dung chi tiết.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC
PHẠM MINH THƯỜNG

Đơn vị: Sở Tư Pháp Ninh Bình
Chương: 414

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I - NĂM 2021
(Kèm theo QĐ số 43/QĐ-STP ngày 20 tháng 4 năm 2021)

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I-2020	Ước thực hiện quý I-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Nguồn thu phí, lệ phí					
I	Phí, lệ phí lý lịch tư pháp					
1	Số thu năm trước chuyển sang 2019	-	99.867.000			
2	Số thu phí, lệ phí Quý I-2020	800.000.000	207.210.000	26%	343.000.000	60%
a	Thu phí LLTP	800.000.000	207.210.000	26%	343.000.000	60%
	Nộp vào NSNN 15%	120.000.000	31.166.500	26%	51.450.000	61%
	Nộp cho TTLTP QG 4% (sau khi trừ nộp vào NSNN)	27.200.000	8.284.000	30%	13.720.000	60%
b	Số phí LLTP còn lại sau khi nộp NS và nộp cho TTLTP	680.000.000	167.759.500	25%	277.830.000	60%
	Nộp cho CA 60% (sau khi trừ nộp vào NSNN)	408.000.000	95.256.000	23%	154.742.400	62%
c	Để lại đơn vị	244.800.000	72.503.500	30%	123.087.600	59%
	40% để làm lương	97.920.000	29.001.500	30%	49.235.040	59%
	60% để lại chi dùng	146.880.000	43.502.000	30%	73.852.560	59%
d	Số phí, lệ phí đã chi	146.880.000	43.502.000	30%	73.852.000	59%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I-2020	Ước thực hiện quý I-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Hỗ trợ cán bộ tham gia giải quyết công việc	114.080.000	38.040.000	33%	67.000.000	57%
	Văn phòng phẩm (đồ mực)	12.000.000	5.462.000	46%	4.680.000	117%
	Mua dụng cụ hành chính phục vụ cấp phiếu LLTP (Biên lai)	6.000.000		0%	2.172.000	0%
	Mua phôi LLTP	12.000.000		0%	-	
	Chi khác	2.800.000		0%		
	Số phí, lệ phí còn lại	97.920.000	128.868.500	132%	49.235.600	262%
B	Nguồn NSNN	9.469.000.000	864.742.816	9%	895.779.884	97%
I	Kinh phí tự chủ	4.291.000.000	864.742.816	20%	895.779.884	97%
1	Tiền lương	2.218.000.000	510.916.335	23%	502.892.398	102%
	Chi tiền lương ngạch bậc	1.956.000.000	480.168.114	25%	478.272.199	100%
	Tiền lương hợp đồng	262.000.000	30.748.221	12%	24.620.199	125%
2	Phụ cấp	836.000.000	196.681.510	24%	194.687.370	101%
	Phụ cấp chức vụ	141.000.000	33.313.870	24%	33.064.410	101%
	Phụ cấp trách nhiệm nghề	25.000.000	15.981.000	64%	16.428.000	97%
	Phụ cấp thâm niên vượt khung	27.000.000	10.955.640	41%	11.313.960	97%
	Phụ cấp công vụ	563.000.000	133.935.000	24%	131.385.000	102%
	Phụ cấp kiêm nhiệm, khác	80.000.000	2.496.000	3%	2.496.000	100%
3	Các khoản đóng góp	531.000.000	77.945.251	15%	112.480.116	69%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I- 2020	Ước thực hiện quý I- 2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	BHXH 18%	417.100.000	66.382.920	16%	95.693.737	69%
	BHYT 3%	66.540.000	11.379.929	17%	16.404.641	69%
	KPCĐ 2%	44.360.000		0%		
	BHTN 2%	3.000.000	182.402	6%	381.738	48%
4	Các khoản chi khác	57.000.000	40.380.000	71%	39.375.000	103%
	Khen thưởng	46.000.000	37.630.000	82%	36.375.000	103%
	Phụ cấp 1 cửa	11.000.000	2.750.000	25%	3.000.000	92%
5	Chi các hoạt động thường xuyên	617.000.000	30.773.720	5%	38.299.000	80%
	Phúc lợi tập thể	66.700.000	840.000	1%	10.465.000	8%
	Các khoản chi khác	66.700.000	840.000	1%	10.465.000	8%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	194.100.000	12.496.720	6%	10.954.000	114%
	Thanh toán tiền điện	96.000.000	7.951.000	8%	6.989.000	114%
	Thanh toán tiền nước	24.000.000	4.545.720	19%	3.965.000	115%
	Thanh toán tiền nhiên liệu	74.100.000		0%		
	Vật tư văn phòng	76.000.000	-	0%	-	
	Văn phòng phẩm	20.000.000		0%		
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	20.000.000		0%		
	Vật tư văn phòng khác	36.000.000		0%		
	Thông tin tuyên truyền	69.800.000	5.023.000	7%	10.060.000	50%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I-2020	Ước thực hiện quý I-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước phí điện thoại trong nước	24.000.000	1.991.000	8%	8.110.000	
	Cước phí bưu chính	24.000.000	1.082.000	5%		
	Tuyên truyền quảng cáo	2.000.000				
	Sách, báo, tạp chí thư viện	-				
	Cước internet	7.800.000		0%		
	Khoản điện thoại cho 3 lãnh đạo	12.000.000	1.950.000	16%	1.950.000	100%
	Khác					
	Hội nghị	14.800.000	-	0%	-	
	In, mua tài liệu	5.600.000				
	Chi phí khác	9.200.000				
	Công tác phí	43.600.000	4.500.000	10%	4.500.000	100%
	Tiền vé máy bay, tàu xe	5.000.000				
	Phụ cấp công tác phí	9.600.000				
	Thuê phòng ngủ	11.000.000				
	Khoản công tác phí	18.000.000	4.500.000		4.500.000	
	Chi phí thuê mướn	-	6.500.000		900.000	722%
	Các khoản thuê mướn khác		6.500.000		900.000	722%
	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	20.000.000	-	0%		
	Sửa chữa máy vi tính, máy photocopy	10.000.000				

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I-2020	Ước thực hiện quý I-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Sửa chữa khác (bản ghé, điều hoà...)	10.000.000				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành	20.000.000	-	0%		
	Chi mua, in ấn photo tài liệu dùng cho chi	5.000.000				
	Sách, tài liệu dùng cho chuyên môn ngành	5.000.000				
	Chi phí khác	10.000.000				
	Chi khác	112.000.000	1.414.000	1%	1.420.000	100%
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn (7903)	10.000.000		0%		
	Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị	10.000.000	1.414.000	14%		
	Chi tiếp khách	10.000.000		0%		
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		-		1.420.000	0%
	Chi hỗ trợ khác	24.000.000		0%		
	Chi các khoản khác	58.000.000		0%		
II	Chi công tác Đảng	32.000.000	8.046.000	25%	8.046.000	100%
	Phụ cấp cấp ủy	32.000.000	8.046.000	25%	8.046.000	100%
III	Kinh phí không tự chủ	5.178.000.000				
1	Mua sắm	93.000.000	-			
2	Sửa chữa	909.000.000	-			
3	Chi đặc thù	4.176.000.000	-			
	Kinh phí phổ biến GDPL	1.252.000.000				

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I- 2020	Ước thực hiện quý I- 2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển	100.000.000				
	Kinh phí bầu cử	335.000.000				
	ĐA tăng cường CNTT trong công tác PBGD	110.000.000				
	Kinh phí thực hiện chuẩn tiếp cận PL	225.000.000				
	QLNN về công tác hòa giải ở cơ sở	315.000.000				
	Duy trì trang thông tin điện tử (Website của	45.000.000				
	Công tác văn bản quy phạm pháp luật	550.000.000				
	Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	207.000.000				
	Công tác pháp chế ngành	90.000.000				
	Chi cho công tác theo dõi thi hành pháp luật	90.000.000				
	QLNN về Xử lý vi phạm hành chính	192.000.000				
	Kinh phí cải cách HC	40.000.000				
	Duy trì PM Quản lý tài sản	2.000.000				
	Trang phục thanh tra	10.000.000				
	Kinh phí phòng chống lụt bão	20.000.000				
	Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu	40.000.000				
	Kinh phí chuyển đổi, áp dụng hệ thống ISO	12.000.000				
	Đề án phát triển đội ngũ Luật sư	45.000.000				
	ĐA đổi mới và nâng cao hiệu quả Giám định	45.000.000				

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý I năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I-2020	Ước thực hiện quý I-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Đấu giá TS	45.000.000				
	QLNN về công chứng	45.000.000				
	QLNN về Quản tài viên	45.000.000				
	QLNN về Thừa phát lại	45.000.000				
	QLNN về Hòa giải thương mại	45.000.000				
	QLNN về Thi hành án DS	45.000.000				
	QLNN về Trợ giúp pháp lý	27.000.000				
	QLNN về Lý lịch tư pháp	63.000.000				
	QLNN về hộ tịch, chứng thực	42.000.000				
	QLNN về trách nhiệm bồi thường	18.000.000				
	QLNN về giao dịch bảo đảm	20.000.000				
	QLNN về lĩnh vực con nuôi	11.000.000				
	Tổng cộng	9.469.000.000	864.742.816	0		